

Trục vít
EGC-80-600-BS-20P-KF-0H-ML-GK
Số bộ phận: 3013544

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Hành trình làm việc	600 mm
Kích thước	80
Dự trữ hành trình	0 mm
đường kính trục chính	15 mm
Tăng trục chính	20 mm/vòng
Vị trí lắp đặt	bất kì
Dẫn hướng	Thanh dẫn hướng cầu tuần hoàn
Cấu trúc xây dựng	Trục tuyến tính cơ điện với vít me bi
Loại động cơ	Động cơ bước Động cơ servo
Loại trục chính	Vít me bi
Tăng tốc tối đa	15 m/s ²
Tốc độ tối đa	1 m/s
Độ chính xác lặp lại	±,02 mm
Thời gian bật	100%
Tuần thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Mức độ bảo vệ	IP40
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-10 °C...60 °C
Khoảnh khắc của diện tích ly bậc 2	981000 mm ⁴
Khoảnh khắc của khu vực Iz độ 2	1320000 mm ⁴
Lực tối đa Fy	3050 N
Lực tối đa Fz	3050 N
Lực tối đa Fy trục tổng thể	3050 N
Lực tối đa Fz trục tổng thể	3050 N
Fy với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	11236 N
Fz với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	11236 N
Thời điểm tối đa Mx	36 N m
Max. Moment My	97 N m
Mô-men tối đa Mz	97 N m
Mô men tối đa Mx trục tổng thể	36 N m
Mô men tối đa My trục tổng thể	97 N m

Đặc tính	Giá trị
Mô men tối đa Mz trục tổng thể	97 N m
Mx với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	133 N m
Của tôi với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	357 N m
Mz với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	357 N m
Lực hướng tâm tối đa trên trục truyền động	250 N
Lực nạp tối đa Fx	650 N
Mômen quán tính xoắn Nó	255000 mm ⁴
Mô-men quán tính khối lượng JH trên mỗi mét hành trình	0.346 kgcm ²
Nạp liệu không đổi	20 mm/vòng
Tuổi thọ tham khảo	5000 km
Vật liệu nắp cuối	Hợp kim nhôm rèn anốt hóa
Vật liệu Gá bù trừ sai số mô men	Hợp kim nhôm rèn anốt hóa
Hồ sơ vật liệu	Hợp kim nhôm rèn anốt hóa
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu nắp truyền động	Hợp kim nhôm rèn anốt hóa
Vật liệu thanh dẫn hướng ổ trượt	Thép
Vật liệu ray dẫn hướng	Thép
Vật liệu các ổ trượt	Hợp kim nhôm rèn anốt hóa
Vật liệu đai ốc trục chính	Thép
Trục chính vật liệu	Thép